TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 9 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Huỳnh D, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp TB, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Công Đ, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 nguyên đơn chị Võ Huỳnh D trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Trần Công Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Đ cờ bạc, không quan tâm lo lắng vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác chị đã nhắc nhỡ nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay. Nay chị

nhận thấy tình cảm giữa chị với anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị D xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Võ Gia H sinh ngày 26/4/2011, hiện đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra.

Về tài sản và nợ: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Công Đ, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh Đ không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Huỳnh D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt; anh Trần Công Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị D với anh Đ chung sống với nhau năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Huỳnh D với anh Trần Công Đ được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Đ cờ bạc, không quan tâm lo lắng vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác chị đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi và vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Đ; đối với anh Trần Công Đ, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị D, nhưng anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị D, điều này cho thấy anh Đ đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Mặt khác, xét thấy thời gian chị D và anh Đ ly thân cũng đã lâu, tình trạng hôn nhân giữa chị D với anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị D cho chị D được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D và anh Đ có 01 người con chung tên Trần Võ Gia H sinh ngày 26/4/2011, hiện chị D đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H; đối với anh Đ không ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh Đ và chị D ly thân cho đến nay cháu H do chị D trực tiếp nuôi dưỡng và cháu H vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu H cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng là

có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H; đối với việc cấp dưỡng cho con chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và nợ: Chị D xác định trong thời gian chung sống chị D và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Đ không có ý kiến gì về tài sản và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Huỳnh D, cho chị Võ Huỳnh D được ly hôn với anh Trần Công Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Gia H sinh ngày 26/4/2011 cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Võ Huỳnh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009551 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tiêu Hồng Phượng